NAV CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT - NAVIFICO

PHƯỜNG PHƯỚC LONG B , Q9 ,TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

QUÝ 4 NĂM 2012

I . BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT : vnd

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ 30.09.2012	Số dư cuối kỳ 31.12.2012
I.	**A. Tài sản ngắn hạn**	**133,311,605,286**	**137,895,000,394**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2,686,518,201	5,376,595,900
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu	44,694,778,057	48,228,285,152
4	Hàng tồn kho	83,524,487,071	81,644,306,898
5	Tài sản lưu động khác	2,405,821,957	2,645,812,444
II	**Tài sản dài hạn**	**41,584,503,993**	**47,066,331,914**
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	30,086,403,993	35,568,231,914
	- Tài sản cố định hữu hình	14,816,217,848	14,325,765,011
	-Tài sản cố định thuê tài chính		
	-Tài sản cố định vô hình	13,999,303,538	13,774,278,800
	- Chi phí XDCB dở dang	1,270,882,607	7,468,188,103
3	Bất động sản đầu tư	-	0
4	Đầu tư vào Công ty liên kết	11,498,100,000	11,498,100,000
5	Đầu tư dài han khác	-	0
III	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**174,896,109,279**	**184,961,332,308**
IV	**Nợ phải trả**	**70,233,870,731**	**90,006,137,423**
1	Nợ ngắn hạn	68,641,581,625	86,942,982,869
2	Nợ dài hạn		
3	Nợ khác	1,592,289,106	3,063,154,554
V	**Vốn chủ sở hữu**	**104,662,238,548**	**94,955,194,885**
1	**Vốn chủ sở hữu**	**104,662,238,548**	**94,955,194,885**
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80,000,000,000	80,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		

	- Cổ phiếu quỹ	(190,000)	(190,000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỉ giá	-	416,272,323
	- Các quỹ	10,051,989,370	10,618,593,329
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14,610,439,178	3,920,519,233
2	**Nguồn vốn kinh phí và các quỹ khác**	-	-
VI	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**174,896,109,279**	**184,961,332,308**

II . KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT : vnd

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**39,676,510,276**	**171,720,539,451**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**39,676,510,276**	**171,720,539,451**
4	Giá vốn hàng bán	37,895,628,427	145,348,397,374
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1,780,881,849**	**26,372,142,077**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1,431,417,054	3,249,482,067
7	Chi phí hoạt động tài chính	1,167,782,393	3,953,791,101
8	Chi phí bán hàng	1,645,716,560	8,479,698,522
9	Chi phí Quản lý doanh nghiệp	4,424,386,756	11,790,522,698
10	Lợi tức thuần từ HĐ KD	**(4,025,586,806)**	**5,397,611,823**
11	Thu nhập khác	2,316,000	1,327,206,459
12	Chi phí khác	2	89,946,832
13	**Lợi nhuận khác**	**2,315,998**	**1,237,259,627**
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	**(4,023,270,808)**	**6,634,871,450**
15	Thuế thu nhập DN phải nộp	(1,350,760,702)	968,831,863
16	Lợi nhuận sau thuế	**(2,672,510,106)**	**5,666,039,588**
17	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu		
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Ngày 18 tháng 01 năm 2013

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
Trần Thị Mỹ Thạnh	*Thái Thanh Thủy*	*Lê Hữu Thuấn*

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT (NAVIFICO)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ 4 NĂM 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**39,676,510,276**	**46,619,368,178**	**171,720,539,451**	**182,889,741,344**
2- Các khoản giảm trừ	03			0	0
3- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch v	**10**	**39,676,510,276**	**46,619,368,178**	**171,720,539,451**	**182,889,741,344**
4- Giá vốn hàng bán	11	37,895,628,427	36,834,169,550	145,348,397,374	143,895,811,775
5- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**	**1,780,881,849**	**9,785,198,628**	**26,372,142,077**	**38,993,929,569**
6- Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,431,417,054	229,295,300	3,249,482,067	1,546,567,770
7- Chi phí hoạt động tài chính	22	1,167,782,393	1,015,530,933	3,953,791,101	4,154,913,067
Trong đó: Lãi vay phải trả	*23*	1,148,279,010	667,229,805	3,741,250,301	2,464,635,929
8- Chi phí bán hàng	24	1,645,716,560	2,299,964,075	8,479,698,522	10,623,703,500
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4,424,386,756	3,222,189,130	11,790,522,698	9,763,699,935
10- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**	**(4,025,586,806)**	**3,476,809,790**	**5,397,611,823**	**15,998,180,837**
11- Thu nhập khác	31	2,316,000	302,208,603	1,327,206,459	1,052,738,039
12- Chi phí khác	32	2	291,304,605	89,946,832	1,096,346,911
13- Lợi nhuận khác	**40**	**2,315,998**	**10,903,998**	**1,237,259,627**	**(43,608,872)**
14- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**	**(4,023,270,808)**	**3,487,713,788**	**6,634,871,450**	**15,954,571,965**
16- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	(1,350,760,702)	881,928,446	968,831,863	3,988,642,991
17- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			-	-
18- Lợi nhuận sau thuế	**60**	**(2,672,510,106)**	**2,605,785,342**	**5,666,039,588**	**11,965,928,974**

Ghi chú:

Lợi nhuận trước thuế thực tế trong Quí 4.2012:	(1)	1,056,346,246
Ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng trong năm làm giảm lợi nhuận quý 04.2012:	(2)	5,079,617,054
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo Q4.2012:	(1)-(2)	**(4,023,270,808)**

Ngày 18 tháng 01 năm 2013

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
Trần Thị Mỹ Thạnh	Thái Thanh Thủy	Lê Hữu Thuấn